

# THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SO SÁNH CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI TẠI THÀNH PHỐ CAO LÃNH TỈNH ĐỒNG THÁP

**Nguyễn Thị Hồng Khoa**

*Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp*

*Email: nthkhoadthu@gmail.com*

## **Lịch sử bài báo**

*Ngày nhận: 31/5/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 15/8/2022; Ngày duyệt đăng: 26/9/2022*

## **Tóm tắt**

*Phát triển kỹ năng so sánh cho trẻ là một nhiệm vụ mang ý nghĩa quan trọng và cần thiết của giáo viên mầm non. Bồi so sánh là một thao tác tư duy rất quan trọng đối với con người nói chung và trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi nói riêng. Trong bài viết, chúng tôi đã khảo sát phân tích thực trạng về giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Từ đó, phân tích những kết quả cụ thể, tìm hiểu nguyên nhân và rút ra kết luận cần thiết, làm tiền đề quan trọng để đưa ra những biện pháp giáo dục kỹ năng này ở những nghiên cứu tiếp theo.*

**Từ khóa:** *Giáo dục kỹ năng so sánh, kỹ năng so sánh, nhận thức của giáo viên mầm non, trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, trẻ mẫu giáo.*

---

# PRACTICE OF COMPARATIVE THINKING SKILLS EDUCATION FOR 5-6 YEAR-OLD PRESCHOOL CHILDREN IN CAO LANH CITY, DONG THAP PROVINCE

**Nguyen Thi Hong Khoa**

*Faculty of Primary and Preschool, Dong Thap University*

*Email: nthkhoadthu@gmail.com*

## **Article history**

*Received: 31/5/2022; Received in revised form: 15/8/2022; Accepted: 26/9/2022*

## **Abstract**

*Developing comparison skills for children is an important and necessary task of preschool teachers. It is because comparison is a very important step in the thinking process for humans in general and preschool children aged 5-6 in particular. This paper surveyed and analyzed the current practice of comparative thinking skills education for 5-6 year-old preschool children in Cao Lanh City, Dong Thap Province. Thereby, the paper analyzes the specific results, causes, and draws out necessary conclusions; thereby proposing measures to educate this skill in future studies.*

**Keywords:** *5-6 year-old preschoolers, comparative thinking skills, comparative thinking skills education, preschool children, preschool teacher's perception.*

---

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.1.2023.1013>

Trích dẫn: Nguyễn Thị Hồng Khoa. (2023). Thực trạng giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(1), 3-12.

## 1. Đặt vấn đề

So sánh là một thao tác tư duy rất quan trọng đối với con người nói chung và trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi nói riêng. “So sánh giúp con người nhận biết được sự giống và khác nhau giữa các sự vật và hiện tượng có trong thế giới xung quanh, nhờ vậy con người nhận biết thế giới đầy đủ và sâu sắc” (Đỗ Thị Minh Liên, 2010). Trong quá trình so sánh trẻ có thể cần phải thực hiện một số thao tác đối chiếu như đặt cạnh, đặt chồng, sử dụng các đơn vị đo chuẩn (cân thăng bằng, thước đo...) hoặc các đơn vị đo không chuẩn (thước tự làm, vật mẫu trung gian...) để xác định sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng so sánh. Vì thế, cần hình thành cho trẻ kĩ năng so sánh (KNSS) là khả năng sử dụng những tri thức, kinh nghiệm và các giác quan phù hợp để tìm ra điểm giống nhau hay khác nhau, điểm tương đồng hay khác biệt giữa hai hay nhiều đối tượng hiệu quả. Kĩ năng này của trẻ được hình thành và phát triển trong quá trình nhận biết, lĩnh hội thế giới xung quanh, đặc biệt là trong hoạt động học ở trường mầm non. Để góp phần nâng cao kết quả giáo dục KNSS cho trẻ, chúng tôi tiến hành khảo sát trẻ mầm non tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhằm tìm ra nguyên nhân, cách thức phù hợp làm cơ sở đưa ra những biện pháp giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi một cách hiệu quả.

## 2. Nội dung

### 2.1. Các khái niệm

Nhà tâm lí học Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành... cho rằng: “So sánh là quá trình dùng trí óc để xác định sự giống nhau hay khác nhau, sự đồng nhất hay không đồng nhất, sự bằng nhau hay không bằng nhau giữa các đối tượng nhận thức (sự vật, hiện tượng)”. (Nguyễn Quang Uẩn, 2018)

Tác giả Trần Hữu Luyến cho rằng: “Kĩ năng là hành động có ý thức, có kĩ thuật và có kết quả được thực hiện dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định”. (Trần Hữu Luyến, 2008)

Trên cơ sở phân tích khái niệm “kĩ năng” và “so sánh”, chúng tôi xây dựng khái niệm “KNSS là hành động có ý thức, có kĩ thuật và có kết quả được thực hiện nhằm xác định sự giống nhau hay khác nhau, sự đồng nhất hay không đồng nhất, sự bằng nhau hay

không bằng nhau giữa các sự vật, hiện tượng dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định”.

Giáo dục theo nghĩa chung là hình thức học tập theo đó kiến thức, kỹ năng, và thói quen của một nhóm người được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua giảng dạy, đào tạo, hay nghiên cứu. Giáo dục thường diễn ra dưới sự hướng dẫn của người khác, nhưng cũng có thể thông qua tự học. (Phạm Thị Oanh, 2019)

Từ các phân tích trên về giáo dục và KNSS chúng tôi cho rằng: *Giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo là một quá trình tác động sự phạm có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục đến trẻ để thực hiện có hiệu quả những hành động, những thao tác so sánh nhằm xác định sự giống nhau hay khác nhau, sự bằng nhau hay không bằng nhau về các dấu hiệu của đối tượng dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định.*

### 2.2. Mục tiêu, đối tượng và phương pháp khảo sát

Đánh giá thực trạng về giáo dục KNSS, phân tích kết quả và tìm hiểu nguyên nhân. Trên cơ sở đó, làm tiền đề để đề xuất một số biện pháp giáo dục KNSS cho trẻ trong những nghiên cứu tiếp theo.

Khảo sát được thực hiện trên 150 giáo viên mầm non (GVMN) đang dạy lớp 5-6 tuổi tại 7 trường mầm non tại thành phố Cao Lãnh: Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Mầm non Hồng Gấm, Trường Mầm non Mỹ Trà, Trường Mầm non Mỹ Phú, Trường Mầm non Trúc Xanh, Trường Mầm non Sao Mai, Trường Mầm non Việt, Trường Mầm non Tổ Ong Vàng.

Phát phiếu khảo sát cho GVMN, tổng số 150 phiếu, số phiếu sau khi thu về được chúng tôi sử dụng thống kê toán học để thống kê, xử lý và kiểm định độ tin cậy của kết quả thu được. Kết quả khảo sát được tính toán và xử lý bằng toán thống kê. Từ các kết quả định lượng rút ra nhận xét, kết luận định tính.

### 2.3. Phân tích kết quả về giáo dục kĩ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại thành phố Cao Lãnh

Chúng tôi đã khảo sát thực trạng về giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi của GVMN bằng phiếu điều tra gồm 11 câu hỏi và thu được kết quả cụ thể như sau:

2.3.1. Nhận thức của giáo viên mầm non về các biểu hiện kỹ năng so sánh của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

**Bảng 1. Nhận thức của GVMN về các biểu hiện KNSS của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi**

| Biểu hiện KNSS                                                                        | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|
| Các thao tác so sánh được thực hiện đầy đủ                                            | 71       | 47,3      |
| Lựa chọn cách thức so sánh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh so sánh                   | 105      | 70        |
| Thời gian thực hiện nhiệm vụ so sánh nhanh                                            | 45       | 30        |
| Phát hiện đầy đủ, chính xác các đặc điểm giống và khác nhau của các đối tượng so sánh | 136      | 90,7      |
| Trình bày rõ ràng, mạch lạc, giải thích được kết quả so sánh bằng lời                 | 33       | 22        |
| Vận dụng linh hoạt KNSS vào các tình huống và hoàn cảnh khác nhau                     | 47       | 31,3      |
| Tất cả các ý kiến trên                                                                | 32       | 21,3      |

Kết quả Bảng 1 cho thấy, GVMN đều có một số hiểu biết nhất định về những biểu hiện KNSS của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Tuy vậy, mỗi GVMN đánh giá các biểu hiện một cách khác nhau. Đa số GVMN đánh giá KNSS của trẻ qua việc phát hiện đầy đủ, chính xác các đặc điểm giống và khác nhau của các đối tượng (chiếm 90,7 %). 70% ý kiến cho rằng việc trẻ lựa chọn cách thức so sánh phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện so sánh cũng là biểu hiện đặc trưng của KNSS.

47,3% đánh giá biểu hiện KNSS thông qua các thao tác so sánh được thực hiện đầy đủ. Còn lại các ý kiến khác là tương đối thấp chỉ từ 21,3-31,3%. Như vậy là nhận thức của GVMN về các biểu hiện KNSS của trẻ còn chưa đồng bộ và chưa trọng tâm vào những biểu hiện mang tính đặc trưng của KNSS.

2.3.2. Số lượng đối tượng giáo viên lựa chọn để giáo dục KNSS cho trẻ và mức độ giáo dục

**Bảng 2. Số lượng đối tượng giáo viên lựa chọn để giáo dục KNSS cho trẻ và mức độ giáo dục**

| Đối tượng so sánh | Mức độ       |        |              |        |               |        |
|-------------------|--------------|--------|--------------|--------|---------------|--------|
|                   | Thường xuyên |        | Thỉnh thoảng |        | Không bao giờ |        |
|                   | SL           | TL (%) | SL           | TL (%) | SL            | TL (%) |
| 2 đối tượng       | 150          | 100    | 0            | 0      | 0             | 0      |
| 3 đối tượng       | 20           | 13,3   | 130          | 86,7   | 0             | 0      |
| > 3 đối tượng     | 9            | 6      | 17           | 11,3   | 124           | 82,7   |
| 2 nhóm đối tượng  | 100          | 66,7   | 45           | 30     | 5             | 3,3    |
| 3 nhóm đối tượng  | 0            | 0      | 51           | 34     | 99            | 66     |
| >3 nhóm đối tượng | 0            | 0      | 25           | 16,7   | 125           | 83,3   |

Kết quả điều tra của Bảng 2 cho thấy, 100% GVMN đều thực hiện việc cho trẻ so sánh 2 đối tượng một cách thường xuyên bởi đây cũng là một trong những nội dung quy định trong chương trình giáo dục mầm non. Có 66,7% số GVMN cho trẻ so sánh

2 nhóm đối tượng ở mức độ thường xuyên, chiếm tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên qua phỏng vấn GVMN (N.T.K.T. và T.T.B.T.) - Trường Mầm non Sao Mai chúng tôi nhận thấy GVMN chỉ tiến hành cho trẻ so sánh 2 nhóm đối tượng mà mỗi nhóm đều có cùng

chung một dấu hiệu nào đó. Chẳng hạn, cho trẻ so sánh nhóm hình tam giác với nhóm hình vuông. Số GVMN tiến hành cho trẻ so sánh 3 đối tượng và trên 3 đối tượng ở mức độ thường xuyên là thấp. Cụ thể: so sánh 3 đối tượng là 13,3% và so sánh trên 3 đối tượng là 6%. Không có GVMN nào tiến hành cho trẻ so sánh 3 nhóm đối tượng và trên 3 nhóm đối tượng một cách thường xuyên.

**Bảng 3. Thực trạng sử dụng các hình thức để giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi**

| Hình thức              | Mức độ       |        |              |        |               |        |
|------------------------|--------------|--------|--------------|--------|---------------|--------|
|                        | Thường xuyên |        | Thỉnh thoảng |        | Không bao giờ |        |
|                        | SL           | TL (%) | SL           | TL (%) | SL            | TL (%) |
| Hoạt động theo cá nhân | 76           | 50,7   | 74           | 49,3   | 0             | 0      |
| Hoạt động theo nhóm    | 118          | 78,7   | 30           | 20     | 2             | 1,3    |
| Hoạt động cả lớp       | 42           | 28     | 103          | 68,7   | 5             | 3,3    |

Kết quả điều tra cho thấy, đa số GVMN thường xuyên sử dụng hình thức hoạt động theo nhóm nhỏ (chiếm 78,7%), 20% ở mức thỉnh thoảng và chỉ có 1,3% là không bao giờ sử dụng hình thức này. Hoạt động theo cá nhân là hình thức ưu tiên thứ 2 được các GVMN lựa chọn. Số GVMN sử dụng hình thức này ở mức thường xuyên là 50,7% và mức độ thỉnh thoảng là 49,3%, không có GVMN nào là không sử dụng hình thức hoạt động này. Đối với hình thức hoạt động cả lớp có 28% số GVMN sử dụng ở mức độ thường xuyên, 68,7% ở mức thỉnh thoảng và 3,3% số GVMN không bao giờ sử dụng hình thức này.

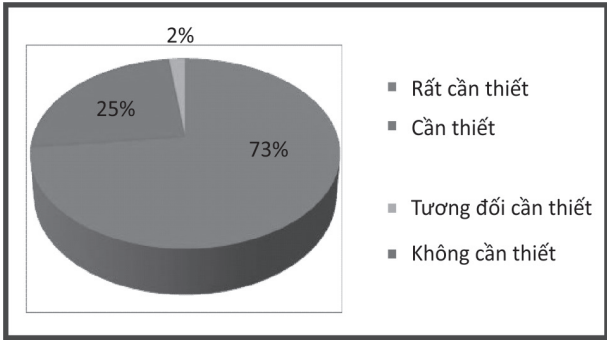
2.3.4. Nhận thức của giáo viên mầm non về sự cần thiết của việc giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ 5-6 tuổi

Với câu số 1 trong bảng hỏi, GV đã cho thấy nhận thức của mình về sự cần thiết của việc giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi như biểu đồ trên.

Kết quả phân tích trên cho thấy, giáo viên (GV) đã chọn đối tượng để giáo dục KNSS trên 3 đối tượng và trên 3 đối tượng dành cho trẻ 5-6 tuổi là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên mức độ để cho trẻ có so sánh 3 đối tượng còn rất thấp.

2.3.3. Thực trạng sử dụng các hình thức để giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ 5-6 tuổi

Kết quả thu được ở Biểu đồ 1 cho thấy, các GVMN trong diện điều tra đều đã nhận thức được sự cần thiết của việc giáo dục KNSS cho trẻ 5-6 tuổi. 73,3% ý kiến cho rằng việc giáo dục KNSS cho trẻ là rất cần thiết bởi họ ý thức rất rõ vai trò của KNSS đối với quá trình nhận thức của trẻ mẫu giáo đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, đặc biệt là giáo dục trí tuệ. 24,7% ý kiến ở mức độ cần thiết, những GVMN ở mức độ này đã nhận thấy hiệu quả của việc giáo dục KNSS và đã thường xuyên tiến hành giáo dục kỹ năng này. Chỉ có 2% số GVMN đánh giá ở mức độ tương đối cần thiết, họ cũng đã nhận thấy hiệu quả của việc giáo dục KNSS cho trẻ song không thường xuyên tiến hành giáo dục trẻ kỹ năng này. Điều này cho thấy, phần lớn GV đã nhận thức được sự cần thiết và vai trò của việc giáo dục KNSS cho trẻ 5-6 tuổi, họ ý thức rất rõ vai trò của KNSS đối với quá trình nhận thức của trẻ mẫu giáo đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, đặc biệt là giáo dục trí tuệ.



**Biểu đồ 1. Nhận thức của GVMN về sự cần thiết của việc giáo dục KNSS cho trẻ 5-6 tuổi**

2.3.5. Đánh giá của giáo viên mầm non về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

**Bảng 4. Đánh giá của GVMN về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi**

| Các yếu tố ảnh hưởng                              | Mức độ  |      |      |      |          | Điểm TB | Thứ hạng |
|---------------------------------------------------|---------|------|------|------|----------|---------|----------|
|                                                   | Rất cao | Cao  | TB   | Thấp | Rất thấp |         |          |
| Đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ                     | 4       | 18,7 | 27,3 | 28,7 | 21,3     | 2,56    | 4        |
| Sự tích cực, chủ động của trẻ                     | 29,3    | 14,7 | 7,3  | 25,3 | 23,4     | 3,01    | 3        |
| Môi trường hoạt động                              | 6,7     | 29,3 | 38,7 | 18,7 | 6,6      | 3,11    | 2        |
| Biện pháp giáo dục của GV trong tổ chức hoạt động | 43,3    | 35,3 | 9,3  | 8    | 4        | 4,06    | 1        |
| Các yếu tố khác                                   | 2       | 14   | 30,7 | 31,3 | 22       | 2,43    | 5        |

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố mang tính khách quan như môi trường hoạt động, biện pháp giáo dục của GV được đánh giá cao hơn các yếu tố mang tính chủ quan như đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ hay sự tích cực, chủ động của bản thân trẻ. Qua số liệu được mô tả trên Bảng 4 thì yếu tố biện pháp giáo dục của GV trong tổ chức hoạt động ảnh hưởng cao nhất đến giáo dục KNSS cho trẻ. Điều này cho thấy chính các biện pháp của GV đã làm thay đổi nhận thức, hành vi và thái độ của trẻ đối với KNSS. GV càng đưa ra các biện pháp phù hợp và có kế hoạch thực hiện nó thì hiệu quả giáo dục KNSS cho trẻ càng cao. Bên cạnh đó thì “môi trường hoạt động” được đánh giá là yếu tố thứ 2 ảnh hưởng đến giáo dục KNSS cho trẻ. Việc GV quan tâm đến xây dựng môi trường vật chất (với những đồ dùng học tập phong phú đa dạng) và môi trường tinh thần như tạo cho trẻ cảm giác an toàn, thoải mái sẽ giúp cho việc tiếp nhận những KNSS của trẻ nhẹ nhàng và dễ dàng hơn.

Sự tích cực và chủ động của bản thân trẻ là yếu tố có mức độ ảnh hưởng thứ 3 sau “môi trường hoạt động”, GV cho rằng nếu trẻ chủ động thực hiện các thao tác so sánh, tự tìm ra phương thức để giải quyết các nhiệm vụ so sánh sẽ làm tăng hứng thú của trẻ. Việc tiếp nhận KNSS bằng bản năng sẽ giúp trẻ tiếp thu KNSS một cách tự nhiên, dễ dàng và dần dần trẻ nắm bắt KNSS một cách có ý thức.

Đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ cũng ảnh hưởng đến việc giáo dục KNSS cho trẻ, tuy nhiên so với các yếu tố đã phân tích trên thì mức độ ảnh hưởng của yếu tố này là thấp nhất.

Có một số ý kiến cho rằng diện tích lớp học hay đồ dùng đồ chơi cũng là những yếu tố ảnh hưởng tới việc giáo dục KNSS cho trẻ. Tuy nhiên, yếu tố “môi trường hoạt động” cũng đã bao hàm cả những yếu tố trên.

2.3.6. Các biện pháp được giáo viên sử dụng để giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

**Bảng 5. Các biện pháp được GV sử dụng để giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi**

| TT | Biện pháp                                                         | Mức độ sử dụng |        |              |        |          |        |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------|--------|--------------|--------|----------|--------|
|    |                                                                   | Thường xuyên   |        | Thỉnh thoảng |        | Hiếm khi |        |
|    |                                                                   | SL             | TL (%) | SL           | TL (%) | SL       | TL (%) |
| 1  | Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển KNSS                | 128            | 85,3   | 22           | 14,7   | 0        | 0      |
| 2  | Tạo tình huống có vấn đề nhằm kích thích hứng thú so sánh của trẻ | 28             | 18,7   | 76           | 50,7   | 46       | 30,7   |
| 3  | Sử dụng câu hỏi gợi mở để dẫn dắt trẻ thực hiện nhiệm vụ so sánh  | 45             | 30     | 87           | 58     | 18       | 12     |

|    |                                                                                         |     |      |    |      |    |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|----|------|----|------|
| 4  | Sử dụng các trò chơi học tập giúp trẻ luyện tập KNSS                                    | 134 | 89,3 | 16 | 10,7 | 0  | 0    |
| 5  | Sử dụng các bài tập nhằm kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ so sánh của trẻ   | 54  | 36   | 72 | 48   | 24 | 16   |
| 6  | Sử dụng hành động mẫu kết hợp với lời hướng dẫn để dạy trẻ cách thức so sánh            | 107 | 71,3 | 43 | 28,7 | 0  | 0    |
| 7  | Phân nhóm linh hoạt khi tổ chức các phát triển KNSS                                     | 82  | 54,7 | 68 | 45,3 | 0  | 0    |
| 8  | Tạo bầu không khí an toàn, thoải mái cho trẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ so sánh | 127 | 84,7 | 23 | 15,3 | 0  | 0    |
| 9  | Khen ngợi trẻ khi có biểu hiện so sánh                                                  | 98  | 65,3 | 34 | 22,7 | 18 | 12   |
| 10 | Đa dạng hóa các loại đối tượng so sánh và phương tiện so sánh                           | 23  | 15,3 | 45 | 30   | 82 | 54,7 |
| 11 | Vận dụng KNSS trong các hoạt động đa dạng khác                                          | 31  | 20,7 | 38 | 25,3 | 81 | 54   |

Từ việc khảo sát ý kiến GV về các biện pháp giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi mà GV đã sử dụng, sau khi khảo sát chúng tôi đã thống kê các biện pháp giáo dục KNSS mà nhiều GV đã sử dụng và tiếp tục khảo sát mức độ sử dụng các biện pháp này của GV (thường xuyên, thỉnh thoảng, hiếm khi) chúng tôi đã thu được kết quả thể hiện ở Bảng 5.

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy những ý kiến của GV về các biện pháp giáo dục KNSS cho trẻ mà họ đã sử dụng cũng như mức độ sử dụng các biện pháp này.

*Cụ thể, những biện pháp được GV sử dụng thường xuyên là những biện pháp sau:*

- Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển KNSS.

- Sử dụng các trò chơi học tập giúp trẻ luyện tập KNSS.

- Sử dụng hành động mẫu kết hợp với lời hướng dẫn để dạy trẻ cách thức so sánh.

- Phân nhóm linh hoạt khi tổ chức các phát triển KNSS.

- Tạo bầu không khí an toàn, thoải mái cho trẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ so sánh.

- Khen ngợi trẻ khi có biểu hiện so sánh.

*Những biện pháp thỉnh thoảng và hiếm khi GV sử dụng đó là:*

- Tạo tình huống có vấn đề nhằm kích thích hứng

thú so sánh của trẻ.

- Sử dụng câu hỏi gợi mở để dẫn dắt trẻ thực hiện nhiệm vụ so sánh.

- Sử dụng các bài tập nhằm kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ so sánh của trẻ.

- Đa dạng hóa các loại đối tượng so sánh và phương tiện so sánh.

- Vận dụng KNSS trong các hoạt động đa dạng khác.

Kết quả điều tra cho thấy GVMN thường xuyên quan tâm tới những biện pháp tác động chung khi tổ chức hoạt động phát triển KNSS như: *Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động phát triển KNSS; phân nhóm linh hoạt khi tổ chức các hoạt động phát triển KNSS. GVMN cũng đã chú ý đến các biện pháp tác động để giáo dục KNSS như: Sử dụng hành động mẫu kết hợp với lời hướng dẫn để dạy trẻ cách thức so sánh; sử dụng câu hỏi gợi mở để dẫn dắt trẻ thực hiện nhiệm vụ so sánh.*

Tuy nhiên những biện pháp này chưa đi sâu vào mục đích giáo dục KNSS của trẻ mà chỉ dừng ở mức độ cung cấp kiến thức, kinh nghiệm so sánh, trong khi kỹ năng của trẻ chỉ thực sự có được khi trẻ được vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm đó vào thực tiễn đa dạng. Có rất nhiều biện pháp mang tính đặc thù của việc giáo dục KNSS cho trẻ lại ít được GVMN quan tâm sử dụng như: *Tạo tình huống có vấn đề nhằm kích thích hứng thú so sánh của trẻ;*

Đa dạng hóa các loại đối tượng so sánh và phương tiện so sánh; Vận dụng KNSS trong các hoạt động đa dạng khác.

2.3.7. Các phương tiện được giáo viên mầm non sử dụng để giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

**Bảng 6. Các phương tiện được GV sử dụng để giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi**

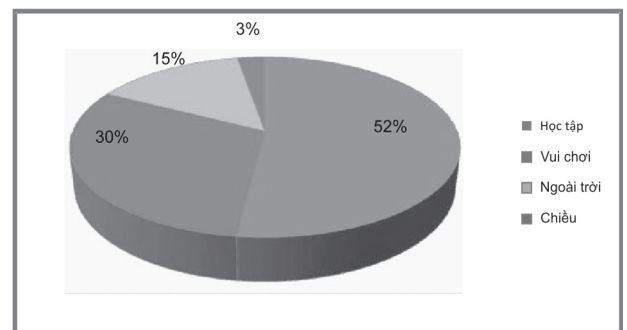
| Phương tiện so sánh | Mức độ       |        |              |        |               |        |
|---------------------|--------------|--------|--------------|--------|---------------|--------|
|                     | Thường xuyên |        | Thỉnh thoảng |        | Không bao giờ |        |
|                     | SL           | TL (%) | SL           | TL (%) | SL            | TL (%) |
| Vật thật            | 125          | 83,3   | 25           | 16,7   | 0             | 0      |
| Mô hình             | 138          | 92     | 12           | 8      | 0             | 0      |
| Tranh ảnh           | 30           | 20     | 105          | 70     | 15            | 10     |
| Lời nói             | 2            | 1,3    | 56           | 37,3   | 92            | 61,3   |

Nhìn vào Bảng 6 chúng ta thấy GVMN sử dụng phương tiện so sánh là mô hình một cách thường xuyên chiếm tỷ lệ cao nhất (92%), còn 8% số GVMN sử dụng phương tiện này ở mức độ thỉnh thoảng. Không có GVMN nào là không bao giờ sử dụng phương tiện so sánh này. Điều đó chứng tỏ GVMN đều có ý thức sử dụng mô hình trong giáo dục KNSS của trẻ. Loại phương tiện được GVMN lựa chọn sử dụng ở mức độ thường xuyên cao thứ 2 sau mô hình là vật thật (chiếm 83,3%), 16,7% số GVMN sử dụng phương tiện này ở mức độ thỉnh thoảng và cũng giống như phương tiện so sánh là mô hình, ở loại phương tiện này cũng không có GVMN nào là không bao giờ sử dụng. Chênh lệch khá nhiều ở mức độ thường xuyên sử dụng là phương tiện so sánh bằng tranh ảnh, chỉ có 20% số GVMN sử dụng phương tiện này ở mức thường xuyên, có 70% GVMN sử dụng ở mức độ thỉnh thoảng và 10% GVMN không bao giờ sử dụng phương tiện này. Như vậy, ở loại phương tiện so sánh này chúng ta thấy có sự khác biệt tương đối lớn về các mức độ sử dụng. Lời nói là loại phương tiện so sánh ít được GVMN sử dụng nhất. Chỉ có 1,3% số GVMN sử dụng phương tiện này ở mức độ thường xuyên, 37,3% số GVMN sử dụng ở mức độ thỉnh thoảng, đa số GV không bao giờ sử dụng loại phương tiện so sánh này (chiếm 61,3%).

Như vậy, chúng ta thấy rằng phương tiện vật thật và mô hình được GVMN lựa chọn sử dụng nhiều hơn trong giáo dục KNSS của trẻ còn, tranh ảnh và lời nói GVMN sử dụng ít hơn thậm chí có những GVMN không bao giờ sử dụng. Khi tiến hành phỏng vấn GVMN (NTTH và TTML) - Trường Mầm non Tổ

Ong Vàng đã lý giải rằng họ thường cho trẻ so sánh bằng mô hình và vật thật vì nó có dạng khối, trẻ dễ tri giác bằng các giác quan hơn nên dễ so sánh, còn tranh ảnh chỉ là không gian 2 chiều, trẻ khó nhận ra các đặc điểm không rõ nét. Với phương tiện so sánh bằng lời nói thì phần lớn GV cho rằng trẻ chưa so sánh được bằng lời nói, số ít GVMN cho rằng với những đối tượng so sánh là các sự vật hiện tượng quen thuộc gần gũi với trẻ thì trẻ hoàn toàn có thể so sánh bằng lời nói được vì trẻ đã có sẵn những biểu tượng về các đối tượng đó.

2.3.8. Các hoạt động được giáo viên lựa chọn để giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ 5-6 tuổi



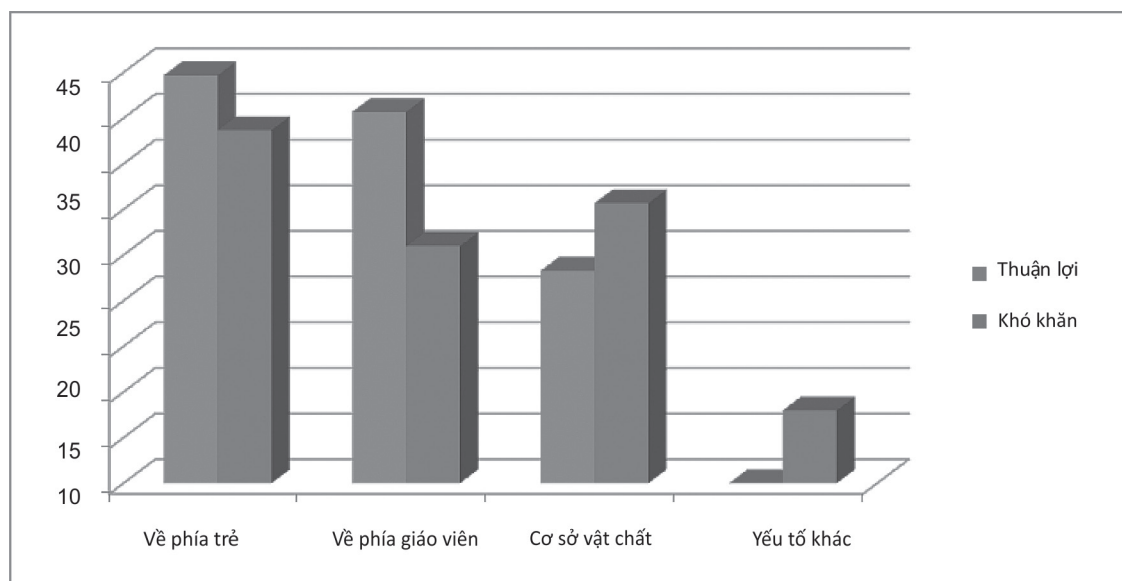
**Biểu đồ 2. Các hoạt động được GV lựa chọn để giáo dục KNSS cho trẻ 5-6 tuổi**

Phần lớn GVMN (52%) đã lựa chọn hoạt động học tập để giáo dục KNSS cho trẻ. Khi được hỏi lí do thì GVMN cho rằng thông qua hoạt động học tập có thể hướng dẫn trẻ quy trình so sánh một cách trình tự, trẻ được học cách khảo sát đối tượng để tìm ra sự giống và khác nhau, học cách sử dụng chính xác các từ

ngữ toán học chỉ sự so sánh nên việc giáo dục KNSS được GVMN tổ chức chủ yếu trong hoạt động học. 30,7% số GVMN cho rằng hoạt động vui chơi cũng là một trong những hoạt động được GVMN sử dụng để giáo dục KNSS của trẻ, trong các góc chơi trẻ có thể so sánh số bạn chơi trong các nhóm, so sánh hình dạng, kích thước của các đồ chơi... Bên cạnh đó hoạt động ngoài trời cũng được 14,7% GVMN sử dụng để giáo dục KNSS cho trẻ. GVMN giải thích rằng ra ngoài sân trường trẻ cũng có thể so sánh sự giống

và khác nhau của các loại cây, rau, con vật... 2,7% GVMN lựa chọn giáo dục KNSS cho trẻ qua hoạt động chiều. GVMN lý giải rằng trong hoạt động chiều có thể tổ chức cho trẻ ôn kiến thức cũ, chẳng hạn trong hoạt động học buổi sáng trẻ được học so sánh khối vuông và khối chữ nhật thì hoạt động chiều có thể tổ chức cho trẻ ôn so sánh hai khối đó.

*2.3.9. Ý kiến của giáo viên mầm non về những thuận lợi và khó khăn trong việc giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi*



**Biểu đồ 3. Những thuận lợi và khó khăn trong việc giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi**

Theo đánh giá của GVMN thì những khó khăn gặp phải khi giáo dục KNSS cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi chủ yếu từ phía trẻ, phía GVMN và cơ sở vật chất, những khó khăn này không có sự chênh lệch nhiều. Trong đó khó khăn từ phía trẻ chiếm 38,7%, khó khăn về phía GVMN chiếm 26% và khó khăn do cơ sở vật chất chiếm 30,7%.

Những khó khăn về phía trẻ, GVMN cho rằng số trẻ trong lớp quá đông nên trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục KNSS với khối lượng thời gian cho phép GV khó bao quát hết các nhóm, cũng như quan tâm đến đặc điểm cá nhân của trẻ trong quá trình hoạt động.

Khó khăn về phía GVMN chủ yếu do đặc thù công việc là thời gian làm việc của GVMN quá dài, ngoài ra còn chuẩn bị giáo án, làm đồ dùng đồ chơi trẻ, GVMN cũng có những thuận lợi nhất định. Về phía trẻ, ở độ tuổi này trẻ đã được trải nghiệm và

có những hiểu biết nhất định để thực hiện nhiệm vụ so sánh cũng như đã tích lũy được những kinh nghiệm để tìm ra phương thức so sánh phù hợp với đối tượng và nhiệm vụ so sánh, vốn từ của trẻ phong phú hơn và trẻ có khả năng diễn đạt kết quả so sánh bằng lời. Có 44,7% GVMN nhận thấy những thuận lợi này từ trẻ. 40,7% cho rằng thuận lợi từ phía GVMN, bản thân GVMN nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Giám hiệu trường, sự phối hợp của cha mẹ trẻ. Thuận lợi về cơ sở vật chất như lớp học thoáng mát, môi trường hoạt động rộng, đủ đồ dùng, đồ chơi (có 23,3% ý kiến). Không có ý kiến khác.

Qua khảo sát mức độ KNSS của trẻ và tìm hiểu thực trạng giáo dục KNSS cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non, có thể rút ra một số nhận xét sau:

#### **Ưu điểm:**

- Tất cả các GV đều ý thức được sự cần thiết của việc giáo dục KNSS cho trẻ. Đây là điều kiện

thúc đẩy các GV hiện thực, cụ thể hóa việc giáo dục KNSS cho trẻ vào các hoạt động cũng như mục tiêu hoạt động và các biện pháp giáo dục.

- Trong quá trình tổ chức các hoạt động, GV đã xây dựng được các biện pháp đa dạng để giáo dục KNSS cho trẻ

#### **Hạn chế:**

- GVMN đã nhận thức được các biểu hiện của KNSS tuy nhiên nhận thức của GV về các biểu hiện này còn thiếu đồng bộ và chưa tập trung vào những dấu hiệu đặc trưng. Điều này dẫn đến một số biện pháp giáo dục KNSS mà GV sử dụng chưa thực sự hiệu quả đối với việc hình thành và phát triển KNSS của trẻ. Cụ thể:

+ GVMN có ý thức *sử dụng các trò chơi học tập nhằm giúp trẻ luyện tập KNSS* nhưng khi quan sát một số giờ dạy của GV chúng tôi thấy rằng các trò chơi chủ yếu là những trò chơi quen thuộc có sẵn trong chương trình, luật chơi và cách chơi thường lặp đi lặp lại làm giảm hứng thú của trẻ. Những trò chơi luyện tập KNSS của trẻ còn ít, chưa phong phú do GVMN chưa có kỹ năng thiết kế, xây dựng trò chơi phù hợp với từng nội dung so sánh và giúp trẻ ôn luyện, mở rộng kiến thức, KNSS. GVMN cũng quan tâm đến việc *sử dụng hành động mẫu kết hợp với lời hướng dẫn để dạy trẻ biện pháp so sánh*. Hơn nữa, muốn giáo dục KNSS của trẻ nhất là độ tuổi 5-6 tuổi, GV nên giảm hành động mẫu, khuyến khích trẻ tự trải nghiệm, tự tìm ra cách thức so sánh và diễn đạt kết quả so sánh đó bằng lời.

+ Các biện pháp GVMN sử dụng nhiều mới chỉ dừng lại ở điều kiện thực hiện mà chưa đáp ứng một cách đặc thù cho mục đích giáo dục KNSS cho trẻ như *tạo bầu không khí an toàn, thoải mái cho trẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ so sánh* hay có biện pháp chỉ phản ánh được hình thức tổ chức các hoạt động như *phân nhóm linh hoạt khi tổ chức các hoạt động phát triển KNSS cho trẻ*.

+ Việc *tạo tình huống có vấn đề nhằm kích thích hứng thú so sánh của trẻ* có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giáo dục KNSS cho trẻ. Tuy nhiên, số GVMN sử dụng biện pháp này một cách thường xuyên là rất ít, các GVMN cho rằng việc sử dụng tình huống có vấn đề đòi hỏi GV phải dành nhiều thời gian suy nghĩ, đầu tư trí tuệ để tìm ra những tình huống phù hợp với nội dung và nhiệm vụ so sánh, tình huống ấy phải kích thích trẻ tích cực, hứng thú với nhiệm vụ

so sánh và điều này không phải lúc nào GVMN cũng có thể thực hiện được vì thời gian và khả năng của mỗi GVMN. Đây cũng là một trở ngại đối với việc tạo hứng thú của trẻ khi thực hiện nhiệm vụ so sánh.

Kết quả khảo sát mức độ KNSS của trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non cho thấy chơi...nhưng khó khăn lớn nhất theo GVMN là việc tìm kiếm, lựa chọn các phương pháp, biện pháp giáo dục KNSS qua hoạt động trong ngày.

Khó khăn về cơ sở vật chất như đồ dùng đồ chơi của trẻ còn chưa phong phú. Một số ít ý kiến khác (8%) cho rằng nội dung so sánh chưa được đề cập nhiều trong chương trình giáo dục mầm non nên GVMN không có nhiều thời gian để giáo dục KNSS của trẻ.

Bên cạnh những khó khăn kể trên, trong quá trình giáo dục KNSS trẻ đã bộc lộ những biểu hiện cơ bản về KNSS tuy nhiên những biểu hiện đó chỉ tập trung ở một số ít trẻ. Điều đó dẫn đến KNSS của trẻ chưa đồng đều, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ so sánh của trẻ.

#### **Nguyên nhân của thực trạng:**

- Nguyên nhân từ phía GVMN còn chưa xác định được các biểu hiện cũng như mức độ của KNSS nên chưa có những biện pháp tác động phù hợp.

- Áp lực về số lượng trẻ trong lớp quá đông cũng gây nhiều khó khăn trong việc giáo dục KNSS cho trẻ. Nếu tổ chức cho trẻ hoạt động cá nhân hay hoạt động tập thể thì rất khó bao quát trẻ cũng như quan tâm đến từng cá nhân và hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động nhóm là giải pháp dung hòa được GVMN lựa chọn, tuy nhiên hình thức này trên thực tế cũng chưa mang lại hiệu quả cao, nguyên nhân phần lớn là do các biện pháp tác động của GVMN chưa phù hợp.

- Trẻ chưa được chủ động lựa chọn cách thức so sánh khi thực hiện các nhiệm vụ so sánh, GVMN đôi khi còn áp đặt các cách thức so sánh dẫn đến trẻ không chủ động tìm kiếm cách thức so sánh và luôn rập khuôn, máy móc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ so sánh. Điều này ảnh hưởng đến hình thành KNSS của trẻ.

#### **3. Kết luận**

Giáo dục KNSS cho trẻ đang là một vấn đề rất được quan tâm trong thực tiễn GDMN bởi vì KNSS giúp trẻ nhận biết được sự giống và khác nhau giữa các sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh, giúp

trẻ phát triển nhận thức và điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển các mặt giáo dục khác của trẻ. Thực trạng tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, hầu hết các GV đều ý thức được tầm quan trọng của việc giáo dục KNSS cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non cũng như có một số hiểu biết nhất định về những biểu hiện KNSS của trẻ trong hoạt động này. Tuy nhiên, qua khảo sát, mỗi GV đánh giá các biểu hiện KNSS một cách khác nhau do nhận thức của GV về các biểu hiện KNSS còn thiếu đồng bộ và chưa trọng tâm vào những biểu hiện mang tính đặc trưng của KNSS. GVMN đã ít nhiều sử dụng các biện pháp giáo dục KNSS cho trẻ và đạt được một số kết quả ban đầu. Tuy nhiên, các biện pháp này chưa được GVMN tiến hành một cách logic, cụ thể bằng những hình thức phù hợp với mục tiêu giáo dục trẻ tại các trường mầm non, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục nhằm phát triển nhận thức của trẻ.

Những phát hiện trên chỉ ra rằng, việc nghiên cứu, xác định các biện pháp giáo dục KNSS cũng như thiết kế các hoạt động cho trẻ để khắc phục những hạn chế giúp trẻ phát triển nhận thức tốt hơn, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của xã hội là việc làm cần thiết và phải được triển khai kịp thời. Đây là tiền đề quan trọng cho những nghiên cứu tiếp theo của chúng tôi.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học Trường Đại học Đồng Tháp mã số SPD2020.01.19./.

### Tài liệu tham khảo

- Clements, D. H., & Sarama, J. (2004), *Engaging young children in mathematics: Standards for early childhood mathematics education*, Mahwah, N.J: Lawrence Erlbaum Associates.
- Đỗ Thị Minh Liên. (2010). Nghiên cứu phát triển khả năng so sánh cho trẻ mẫu giáo trong các hoạt động làm quen với Toán. *Tạp chí Giáo dục*, (251), 43-45.
- Đỗ Thị Minh Liên. (2011). *Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Đỗ Thị Minh Liên. (2010). Nghiên cứu phát triển các thao tác tư duy trong quá trình hình thành biểu tượng toán học cho trẻ mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, số 235, tháng 6/2010, 20-22.
- Đỗ Thị Minh Liên. (2010). Nghiên cứu phát triển khả năng so sánh cho trẻ mẫu giáo trong các hoạt động làm quen với Toán. *Tạp chí Giáo dục*, số 251, 43- 45.
- Đinh Thị Nhung. (2001). *Toán và Biện pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo* (Quyển 2). Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Đinh Văn Lũy, Đinh Văn Vang. (2008). *Tâm lí học đại cương*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Phạm Thị Oanh. (2019). *Giáo dục kỹ năng so sánh cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động hình thành biểu tượng hình dạng*. Luận án Tiến sĩ Giáo dục học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Trần Thị Phương. (2006). *Hình thành thao tác so sánh ở trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua tìm hiểu môi trường xung quanh*. Luận án tiến sĩ Tâm lí học. Viện Tâm lí học. Hà Nội.
- Trần Hữu Luyến. (2008). *Cơ sở tâm lí học dạy học ngoại ngữ*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.